TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** TỈNH QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DSST
Ngày: 12-9-2018
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thànhphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài – Kiểm sát viên.

Ngày12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số40/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số180/2018/QĐST-DS ngày 26/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐST-DS ngày 20/8/2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:***Ông Phạm M**, sinh năm: 1957 và bà **Trương Thị Thu H,** sinh năm 1963;

Địa chỉ: Đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn:***Ông Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1982 và bà **Trần Thị S**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông M, bà H có mặt; ông T và bà S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày02/12/2017,đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm M và bà Trương Thị Thu H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/6/2015 ông Nguyễn Ngọc T viết giấy mượn bà Trương Thị Thu H 60 chỉ vàng SJC, thời hạn trả nợ vàng là 6 tháng kể từ ngày viết giấy mượn vàng. Ngày 30/12/2015 ông Nguyễn Ngọc T viết giấy mượn vợ chồng M, H số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vàng là 6 tháng kể từ ngày viết giấy mượn

tiền. Về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng 3%/tháng, đến hạn trả nợ vợ chồng ông T, bà S không trả nợ như giấy mượn nợ mặc dù ông, bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông T, bà S né tránh không trả nợ gốc, lãi. Việc mượn vàng, tiền của vợ chồng ông, bà vợ chồng ông T sử dụng vào mục đích kinh doanh buôn bán hàng nông sản. Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ông, bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà S trả cho vợ chồng bà 60 chỉ vàng SJC, 950.000.000 đồng tiền nợ gốc và 97.185.000 đồng tiền nợ lãi và trả tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngày 22/6/2018 và tại phiên tòa ông, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, bà S về 60 chỉ vàng SJC và xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi trên nợ gốc là 97.185.000 đồng đối với ông T, bà S, chỉ yêu cầu ông T, bà S trả cho ông, bà số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng.

Về chứng cứ ông, bà đã nộp gồm có: 01 giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2015 ông Nguyễn Ngọc T viết, ký nội dung đại diện bên mượn là ông T mượn 950.000.000 đồng của ông, bà.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S không có văn bản trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông M và bà H, buộc ông T và bà S phải trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng cho ông M và bà H. Nguyên đơn là ông M và bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, bà S về 60 chỉ vàng SJC và xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi trên số nợ gốc là 97.185.000 đồng nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả 60 chỉ vàng SJC và yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn. Về án phí dân sự được tính theo giá ngạch trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà S.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp "*Giấy mượn tiền*" đề ngày 30/12/2015 có chữ viết, chữ ký đại diện bên mượn tiền là Nguyễn Ngọc T thể hiện nội dung ông Nguyễn Ngọc T mượn của ông Phạm M và bà Trương

Thị Thu H số tiền 950.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*), cam kết sẽ có trách nhiệm hoàn trả đủ số tiền trên cho bên cho mượn tiền trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày mượn tiền.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản, thủ tục tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S, thông báo về nội dung nguyên đơn là ông M, bà H khởi kiện,yêu cầu ông T, bà S phải trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng cho ông M và bà H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T, bà S không nộp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông M và bà H buộc ông T, bà S phải trả số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng cho ông M và bà H theo Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông M, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về60 chỉ vàng SJC vàtoàn bộ yêu cầu về tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc là 97.185.000 đồng đối với ông T, bà S, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về 60 chỉ vàng SJC và tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc là 97.185.000 đồng của ông M, bà H đối với ông T, bà S.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Phạm M, bà Trương Thị Thu H là 40.500.000 đồng,{(36.000.000 đồng+3% (950.000.000 đồng – 800.000.000 đồng)}.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phạm M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không xét.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 217, 218,227, 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M và bà Trương Thị Thu H. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S phải trả cho ông Phạm M và bà Trương Thị Thu H số tiền 950.000.000 đồng(*Chín trăm năm mươi triệu đồng*).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về 60 chỉ vàng SJC và tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc là 97.185.000 đồng của ông Phạm M, bà Trương Thị Thu H đối với Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S.

Ông M, bà H có quyền nộp lại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

3/ Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.500.000 đồng (*Bốn mươi triệu,năm trăm năm ngàn đồng*).

4/ Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộplà 12.500.500 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm ngàn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002008 ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Ông Phạm M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

5/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị S vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND TP Quảng Ngãi;*
- *Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tấn **Trịnh ThanhHoàng Thị Mai Hạnh**